

## CAO TĂNG TRUYỆN

### QUYỂN 3

#### THÍCH PHÁP HIỂN

Ngài Thích Pháp Hiển vốn họ Cung, người ở Vũ dương, Bình dương. Có ba người anh đều chết lúc còn nhỏ. Người cha sợ đến Hiển, nên ba tuổi liền cho làm Sa-di. Ở nhà vài năm thì bị bệnh nặng gần chết. Do đó mà đưa vào chùa thì bệnh liền khỏi, nhưng không chịu về nhà nữa. Người mẹ muốn gặp mà không thể được. Sau đó cất một căn nhà nhỏ để ở ngoài cửa để nghỉ khi qua lại. Mười tuổi thì cha mất, thúc phụ vì thấy mẹ cô độc, bức Pháp Hiển trở về nhưng Ngài nói: vốn không phải vì có cha mà xuất gia vậy, chỉ vì muốn xa lìa trần tục mà vào đạo thôi.

Thúc phụ thấy nói vậy nên thôi. Không bao lâu thì mẹ mất. Lo đám mẹ xong Ngài lại vào chùa. Ngài cùng theo bạn đồng học khoảng mười người đi vào ruộng cấy lúa, gặp bọn giặc đói muốn đoạt lúa. Bọn trẻ Sa-di đều bỏ chạy hết chỉ Pháp Hiển đứng lại nói với giặc: Cần bao nhiêu lúa tùy ý lấy. Các ông xưa không chịu bố thí nay phải chịu đói khổ. Nay lại cướp đoạt của người e rằng đời sau chỉ càng đói khổ, bần đạo thật lo cho các ông.

Nói xong liền trở về, giặc cũng bỏ lúa mà đi. Chúng tăng mấy trăm vị đều kính phục. Đến khi Ngài thọ đại giới, thì chí hạnh đều minh tuệ, nghi dung chỉnh tề. Lại thường than kinh luật khiếm khuyết, thế chí tìm cầu. Vào năm Tấn Long An thứ ba, cùng đồng học là: Tuệ Cảnh, Đạo Chính, Tuệ Ứng v.v..... xuất phát từ Trường An, vượt qua sa mạc phía Tây. Trên không có chim bay, dưới không có thú chạy, bốn mặt mênh mông không biết đâu mà lần. Duy chỉ hướng mặt trời để làm chuẩn hướng Đông Tây, trông theo xương cốt người trên đường mà tìm đường đi. Nếu có gặp gió độc, ác quỷ thì chắc phải chết. Pháp Hiển tùy duyên uỷ thác mạng mình, vượt qua mọi sự hiểm nạn, không bao lâu thì đến Thông Lãnh. Ngọn núi này đông hạ đều có tuyết. Có ác long làm

ra gió độc mưa cát. Đường núi hiểm trở, vách núi đứng cả ngàn nhận. Xưa có người đục đá, thông đường cho người đi, gồm hơn cả bảy trăm chỗ, lại bắt hơn mười cây cầu qua sông cho người, đều là chỗ mà cha con Trương Khiên Cam nhà Hán không đến. Kế đến ông vượt qua ngọn núi tuyết nhỏ gặp phải cơn gió lạnh dữ dội. Tuệ Cảnh run rẩy không thể tiến bước nói với Pháp Hiển: tôi chắc phải chết, ông cứ đi đi đừng chờ mà cùng bị nạn.

Nói rồi thì chết. Pháp Hiển khóc và bảo:

Mưu đồ không qua mạng số sao lại tự lực đi một mình.

Thế rồi Ngài vượt qua ngọn núi hiểm trở, trải qua hơn ba mươi nước mới đến Thiên Trúc. Cách Vương Xá thành hơn ba mươi lý có một ngôi chùa, Ngài vào đó nghỉ đêm. Sáng lại muốn đi đến núi Kỳ-xà-quật. Vị tăng trong chùa can: đường đi rất hiểm trở, lại nhiều loài sư tử lông đen ăn thịt người làm sao đi được.

Pháp Hiển nói: dù đường xa vạn dặm cũng quyết đến được Linh Thứu. thân mạng không kỳ hạn, hơi thở ra vào khó bảo tồn. Há vì lòng chân thành bao nhiêu năm nay đã đến đây rồi bỏ sao? Tuy là có hiểm trở nhưng tôi không sợ.

Đại chúng không thể lưu Ngài lại được bèn bảo hai vị tăng đưa đi. Khi vừa đến chân núi, mặt trời vừa xuống Ngài muốn dừng lại nghỉ đêm. Hai vị tăng sợ hãi liền bỏ ra về. Pháp Hiển một mình lên núi thấp hương lễ bái, chiêm nghiệm thánh tích cũ như thấy được Thánh nghi. đến đêm có ba con sư tử đen đến quỳ trước Hiển, liếm môi quấy đuôi. Pháp Hiển tụng kinh niệm Phật không dứt. Sư tử bèn cúi đầu phủ phục xuống chân Hiển. Hiển dùng tay xoa đầu nó và chú nguyện: Nếu muốn làm hại thì đợi ta tụng xong. Nếu chỉ thử thì nên đi. Hồi lâu thì sư tử bèn bỏ đi. Đến sáng Ngài đi trở lại con đường cũ, đường cùng lối chỉ có một đường đi nhỏ. Chưa được một lý chợt gặp một vị Đạo sĩ, tuổi đã chín mươi, dung phục thô sơ mà thần khí tuấn tú sâu xa. Pháp Hiển tuy biết vận cao mà không ngộ được thần nhân. Sau đó lại gặp vị thiếu tăng.

Pháp Hiển hỏi: Lão niên phía trước là ai?

Đáp: Đầu-đa Ca-diếp đại đệ tử của Phật đó. Pháp Hiển nuôi tiếc, quay trở lại núi tìm thì thấy tảng đá nằm chắn ở trước thất nên không vào được. Hiển rơi lệ rồi đi, tiến bước đến nước Ca-thi. Nước này có con rồng tai trắng, mỗi khi cùng chúng tăng ước hẹn tụ tập thì trong nước trở nên phong túc dồi dào, nên tất cả đều tin tưởng. Sa-môn dựng cho rồng một ngôi nhà và cho thức ăn đầy đủ. Mỗi khi đến mùa hạ, ngôi thiên xong liền hoá thành một tiểu xà, hai tai đều trắng. Đại chúng đều biết

đó là rỗng, đem sữa đựng trong bát đồng đem đến cho rỗng. Rỗng bỏ từ thượng toà vòng xuống hạ toà rồi biến mất. Năm sau lại xuất hiện, Pháp Hiển cũng thấy, Ngài lại đến Trung Thiên-trúc ở chùa Nam Thiên Vương tháp A-dục Vương, ấp Ba-liên-phát, Thành Ma Kiệt-đề, được bộ luận Ma-ha Tăng-kỳ. Lại được bộ luật Tát-bà-đa, Sao tạp A-tỳ-đàm Tâm, Phương Đẳng, Niết-bàn. Ngài lưu lại đó ba năm học sách Phạm văn, rồi tự mình ghi chép. Sau đó Ngài đem kinh tượng gửi khách buôn đem đến nước Sư Tử. Đồng lữ của Ngài có mười người, hoặc lưu lại hoặc mất. Nay chỉ còn mình Ngài nên lòng thường thương cảm bi hoài. Bỗng ở trước tượng vua thấy khách buôn cúng dường một quát lục trắng của đất Tấn. Ngài bất giác buồn và toi lệ. Ngài dừng lại đó hai năm lại được bộ luật Di-sa-tắc và hai bộ trường A-hàm, Tạp A-hàm và Tạp Tạng, đều là những bộ bên đất Hán chưa có.

Ngài theo thương nhưn đi tàu lớn trở về. Thuyền có hai trăm người, gặp gió lớn mọi người đều sợ, đem bỏ hết đồ vật xuống biển. Pháp Hiển sợ họ đem bỏ kinh tượng nên nhất tâm niệm Quan Thế Âm, và quy mạng chúng tăng Hán thổ. Thuyền lại gặp gió thuận đi không bị nguy hại gì. Trãi qua mười ngày thì đến nước Đạ-đa Bà-đề, dừng lại năm tháng, lại theo đoàn thương nhưn khác đi hướng Đông về Quảng châu. Đi hơn hai mươi ngày, ban đêm chợt gió nổi lên làm thuyền chấn động, mọi người cùng bàn luận: vì thuyền chở Sa-môn này nên chúng tôi mới bị nạn. Không thể vì một người mà làm cả đoàn phải chết. Ai cũng muốn đẩy Ngài xuống biển. Đàn-việt của ngài Pháp Hiển kêu to:

Các ông nếu đẩy vị Sa-môn này thì cũng phải đẩy cả tôi. Nếu không thì sẽ cùng chết cả. Vua nước Hán rất tôn sùng Phật pháp tăng. Ta sẽ tâu lại với vua bắt tội các người.

Bọn thương nhưn nghe nói vậy thì sợ không dám làm gì. Dù nước hết lương cạn mà thuyền theo con nước đi nhanh, chợt đến thấy rau lê, rau hoắc biết là đất Hán. Nhưng chưa biết phương nào. Khi lên bờ gặp hai người thợ săn, Pháp Hiển hỏi: Đây là đâu?

Người kia đáp: là bờ nam núi Lao, quận Trường Quảng, Thanh châu. Người thợ săn quay trở về thưa với Thái thú Lý Nghi. Nghi có lòng kính tín, nghe có Sa-môn từ xa đến liền ra đón tiếp. Pháp Hiển mang kinh điển đi theo về phủ. Không bao lâu Ngài lại muốn về Nam. Thứ sử Thanh châu thỉnh Ngài lưu lại qua mùa đông. Pháp Hiển nói: \_ Bần đạo quên thân chí cầu hoằng thông đạo pháp, sở kỳ chưa đạt thì không thể dừng lâu.

Rồi ngài theo hướng nam đi về kinh sư, gặp Thiên sư ngoại quốc là Phật-đà Bạt-đà ở chùa Đạo Tràng, dịch các kinh Phương đẳng, Niết-bàn, Ma-ha Tăng-kỳ luật, Tạp A-tỳ-đàm, hơn một trăm vạn lời. Pháp Hiển đã dịch bộ Đại Nê-hoàn rồi, đem lưu bố truyền bá rộng. Có một người không rõ họ tên, nhà ở gần cửa Chu Tước, nhiều đời phụng trì chánh pháp tự đọc viết một bộ để cúng dường, không phân biệt kinh thất hay tạp thư. Sau gặp lửa cháy nhà, đồ đạc đều sạch trụi, duy chỉ còn bộ kinh Niết-bàn, màu sắc chữ viết không hề thay đổi. Đất kinh sư đều truyền nói về câu chuyện thần dị này.

Khi đến Kinh châu ngài Pháp Hiển mất ở chùa Tân, thọ tám mươi sáu tuổi. Còn nhiều bộ kinh luật khác Ngài chưa kịp dịch ra. Đại chúng đều tiếc thương. Việc của Ngài có ghi trong đại truyện.

-----

### THÍCH ĐÀM VÔ KIỆT

Thích Đàm Vô Kiệt dịch là Pháp Dũng. Họ Lý, người Quảng Long U châu, tuổi nhỏ thọ Sa-di đã tu khổ hạnh, trì giới tụng kinh, rất trọng sự tăng. Từng nghe ngài Pháp Hiển đi qua nước Phật bèn khăng khái thệ nguyện quên thân.

Đến đầu năm Tống Vĩnh Sơ, Ngài chiêu tập các vị tăng đồng chí gồm hai mươi lăm người đồ đệ của Mãn Đàm Lăng, cùng mang tràng cái dụng cụ cúng dường, nhắm hướng Bắc đi về Tây phương. Đầu tiên đến nước Hà Nam, xuất phát đến quận Hải Tây, tiến vào dòng lưu xa đến quận Cao xương, trải qua các nước Quy Tư, Sa-lặc, lên ngọn Thông lãnh, vượt qua núi tuyết. Chướng khí ngàn trùng, băng đóng cả vạn lý. Ở phía dưới có một con sông lớn nước chảy mạnh xiết, bên cạnh sườn Đông nam của ngọn núi, mọi người buộc dây lại làm cầu. Mười một người qua bờ bên kia đốt khói làm hiệu. Người sau thấy khói biết người trước đã qua được nên càng đi tới. Nếu lâu mà không thấy khói thì biết đã bị gió cuốn rơi xuống sông. Trải qua ba ngày lại vượt qua ngọn đại tuyết. Ngọn núi thẳng đứng không có chỗ để bước chân. Vách đá đều có lỗ cọc cách đều nhau. Mọi người nắm bốn cái cọc bước lần xuống. Một ngày trời mới qua được chỗ đó và khi xuống đất bằng thì kiểm lạc mất mười hai đồng lữ. Mọi người cùng tiếp tục đi đến nước Kế Tân, lễ lạy bát Phật, dừng lại đó hơn năm, Ngài học tiếng Phạm, cầu được một bộ Quan Âm Thọ Ký kinh thuộc Phạm bốn. Lại đi về hướng Tây đến sông Tân-đầu Na-đê (dịch là Sư Tử) vào nước Nguyệt Thị, lễ bái xương

nhục kế của Phật và xem Tự-phát-thủy hàng (thuyền hơi nước tự đi). Sau đến núi Đản Đặc, Thạch Lưu ở phía Nam, tăng thường trụ ở đây có hơn ba trăm người, học tập tam thừa. Vô Kiệt dừng lại ở chùa này thọ đại giới. Thiên sư Thiên-trúc là Phật-đà Đa-la (Giác Cứu) người nước kia đều cho Ngài đã chứng đạo.

Vô Kiệt thỉnh Ngài làm Hoà thượng \_ Sa-môn Chí Định người Hán làm A-xà-lê. Ở đó ba tháng hạ, lại đi về Trung Thiên-trúc. Trên đường đi cảnh vật hoang tàn vắng vẻ duy chỉ có thạch mật làm lương ăn. Lúc này đồng lữ chỉ có mười ba người. Tám người mất trên đường, chỉ còn năm người đồng hành. Vô Kiệt tuy mấy lần trải qua nguy ách, nhưng chí buộc niệm và mang theo bên mình kinh Quan Thế Âm chưa từng rời bỏ. Một lần đến nước Xá-vệ gặp một bầy voi núi. Vô Kiệt xưng danh quy mạng. Ngay khi đó có sư tử từ trong rừng đi ra. Voi kinh hãi bỏ chạy. Sau đó đoàn người vượt qua sông Hằng lại gặp một bầy trâu rừng đi tới muốn làm hại. Vô Kiệt cũng quy mạng niệm Quan Âm như trước, bỗng có con chim thú bay đến, bầy trâu kinh hãi bỏ chạy, thế là thoát nạn.

Sau Ngài từ Nam Thiên-trúc theo thuyền về lại Quảng châu, cũng trải qua các sự tích đều có ghi chép truyền lại. Ngài dịch bộ Quan Thế Âm thọ ký, nay còn truyền ở kinh sư. Không biết ngày sau của Ngài thế nào.

## PHẬT ĐÀ THẬP

Đây dịch là Giác Thọ người Kế Tân. Tuổi nhỏ xuất gia Ngài đã thọ nghiệp ở Di-sa-tắc bộ tăng, chuyên tinh luật phẩm, kiêm thông đạt cả Thiên yếu. Tháng bảy năm đầu Tống Cảnh Bình Ngài đến Dương châu. Trước kia có Sa-môn Pháp Hiển, ở nước Sư Tử có bộ luật Di-sa-tắc bằng Phạm bốn mà chưa phiên dịch thì Ngài đã viên tịch. Chư tăng ở kinh ấp nghe Phật-đà Thập rất giỏi về môn học này. Thế là thỉnh Ngài dịch ra. Tháng 11 năm đó chúng tăng vân tập ở chùa Long Quang, dịch ra ba mươi bốn quyển, gọi là ngũ phần luật. Thập cầm Phạm bốn, sa-môn Trí Thắng người Vu Điền dịch, ở Long Quang, Đạo Sinh, Đông An, Tuệ Nghiêm cùng chấp bút tham chánh. Quan thị trung Lang Da Vương Luyện làm đàn việt., đến tháng 4 năm sau mới xong. Từ bộ đại luật sao ra giới tâm và văn yết-ma, đều lưu hành ở đời. Sau không biết Ngài thế nào.

## PHÙ-ĐÀ BẠT-MA

Phù-đà Bạt-ma dịch là Giác Khải là người Tây Vực. Tuổi nhỏ đã thông minh tuyệt xuất, học tập tam tạng lại giỏi luận Tỳ-bà-sa, thường trì tụng bộ này cho là tâm yếu. Trong niên hiệu Tống Nguyên Gia Ngài đến Tây Lương. Trước đây có Sa-môn Đạo Thái, có chí mạnh mẽ, tuổi trẻ đã đi qua các nước, được bộ kinh phạm bốn Tỳ-bà-sa hơn mười vạn lời kệ. Khi trở về nước Cô Tạng nghe có ngài Bạt-ma ở đây bèn tìm Ngài phiên dịch ra.

Bây giờ Mông Tốn đã chết, con là Mậu Kiên lên nối ngôi. Ngày 8 tháng 4 năm Đinh Sửu, tức Tống Nguyên Gia năm thứ mười bốn, vua thỉnh Ngài dịch kinh ở trong cung Nhân Dự thành Lương châu. Đạo Thái ghi chép lại, Sa-môn Tuệ Cao, Đạo lãng cùng tăng nghĩa học hơn ba trăm người cùng khảo chánh văn nghĩa gần mười bốn ngày mới xong, gồm một trăm quyển. Sa-môn Đạo Diên ghi lời tựa. Không lâu sau nhà Ngụy đánh chiếm Cô Tạng. Đất Lương loạn lạc điêu tàn. Kinh sách các vật bị đốt cháy mất hết bốn mươi quyển. Nay chỉ còn sáu mươi quyển. Ngài Bạt-ma tránh nạn trở về Tây Trúc. Sau không biết thế nào.

---

## THÍCH TRÍ NGHIÊM

Ngài người Tây Lương châu, tuổi nhỏ xuất gia đã nổi tiếng tinh cần tu tập. Suốt năm Ngài mặc áo nạp ăn rau quả mà an nhiên toạ thiền. Mỗi khi tụng đọc kinh điển chí lại muốn đi tìm bậc danh sư để rộng học kinh yếu.

Thế là Ngài chu du sang Tây vực đến nước Kế Tân, vào tinh xá Ma-thiên-đà-la theo tỳ-kheo Phật-đà thọ học Thiền pháp. Học đạo chỉ ba năm hơn người học mười năm. Ngài Phật-đà thấy Trí Nghiêm có thể là người kế thừa thiền pháp, cho là bậc pháp khí khác thường. Hàng tăng tục nghe biết đều tán thán đất Tần mới có Sa-môn cầu đạo vậy, từ đó không còn xem thường người đất Tần nữa.

Bấy giờ có tỳ-kheo Phật-đà Bạt-đà-la cũng là bậc thiền tượng của nước kia. Ngài Trí Nghiêm bèn cầu thỉnh Ngài sang Đông độ truyền pháp. Bạt-đà hoan hỷ nhận lời. Thế rồi trải qua bao đường xa hiểm trở Ngài đến Quan Trung, theo ngài Bạt-đà đến ở chùa Đại Trường An. Không bao lâu ngài Bạt-đà bị tăng chúng đất Tần đuổi ra đi. Trí Nghiêm

cũng về tịnh xá Sơn Đông ở Khế Vu, toạ thiền tụng kinh ra sức tu học. Năm ba mươi đời Tống Nghĩa Hy, Tống Vũ Đế tây chinh, toàn thắng trở về Trường An đi qua Sơn Đông. Lúc này Hưng công Vương Khôi, theo ngự giá vua đi ngắm xem sông núi và đến tịnh xá của ngài Trí Nghiêm. Đến nơi thấy ba vị tăng ngồi toạ thiền trên giường giây. Khôi đến hồi lâu, bất giác bèn đàn chỉ (gõ cửa). Ba người mở mắt ra nhưng nhắm lại ngay, hỏi cũng không nói. Tâm Khôi vừa kính vừa lạ mới tìm các bậc kỳ lão, mọi người đều nói: đây là ba vị tăng ẩn cư cầu chí, là bậc Pháp sư cao khiết.

Khôi tâm lại với vua, thỉnh ba vị về kinh đô nhưng không chịu đi. Vua khẩn cầu khẩn thiết mấy lần thì hai vị kia bảo Trí Nghiêm đi. Vương Khôi chí cầu đạo sâu xa cúng lễ thật ân cần. Về kinh đô ngài trụ ở chùa Thủ Hưng. Tánh ngài Trí Nghiêm vốn thích nơi yên tịnh vắng lặng. Vương Khôi xây cho Ngài một ngôi tịnh xá ở Đông Giao, tức là chùa Chỉ Viên.

Ngài có một số kinh tiếng Phạm chưa dịch ra. Đến năm Nguyên Gia thứ tư, cùng với Sa-môn Bảo Vân dịch ra tiếng Tấn như Diệu Quang Bác Nghiêm Tịnh Tứ Thiên Vương. Ngài ở chùa không thọ thỉnh riêng, thường đi khát thực để sống, hàng tăng tục đều kính phục tôn ngưỡng. Có người trông thấy quỷ bảo: khi Nghiêm công đến tránh đi. Người kia chưa hiểu, không bao lâu thì Ngài đến. Người kia hỏi tên họ thì biết đó là ngài Trí Nghiêm. Người ấy thảm lặng cho là kỳ dị. Có người phụ nữ họ Lưu bị bệnh thường thấy quỷ đến kêu gào rất là sợ hãi. Gia đình đi mời Ngài về thuyết pháp. Nghiêm vừa đến, Lưu thị đã thấy bầy quỷ chạy tán loạn. Khi Ngài thuyết kinh xong thì bệnh liền hết. nhưn đó Lưu thị thọ ngũ giới, nhất tâm tôn kính phụng thờ.

Ngài Trí Nghiêm vốn thích sống đời sống thanh tịnh ít muốn. Các vật thọ nhận đều bố thí hết. Tánh Ngài thích ẩn kính sâu xa chớ không phơi bày. Cho nên tuy có hạnh tốt ở đời mà không được lưu truyền. Xưa khi Ngài chưa xuất gia, thọ ngũ giới còn có nhiều khiếm khuyết, sau vào đạo thọ cụ túc, thường nghĩ là không được đắc giới. Mỗi lần nghĩ vậy thì lo sợ, nhiều năm thiền quán mà không liễu ngộ, bèn vượt biển đến Thiên-trúc hỏi chư minh đức, gặp một vị tỷ-kheo La-hán, ngài đem việc mình trình bày cho La-hán nghe. La-hán không dám phán quyết. Ngài Trí Nghiêm bèn nhập định đến cung Đâu-suất hỏi ngài Di-lặc. Bồ-tát Di-lặc đáp: Đắc giới

Ngài Trí Nghiêm rất mừng, liền trở về nước Kế Tân, không bệnh mà viên tịch hưởng thọ bảy mươi tám tuổi. Ở nước này có chỗ trà tỳ



thân phàm Thánh riêng biệt. Trí Nghiêm tuy giới đức cao minh mà hạnh đức thật chưa rõ ràng, nên đem thiêu Ngài nơi đất phàm tăng. Nhưng thầy bỗng trở nên nặng không khiêng nổi, khi đem thiêu nơi đất Thánh thì nhẹ bỗng khiêng nhẹ nhàng. Đệ tử của Ngài là Trí Vũ, Trí Viễn từ phía Tây đến báo rõ các điềm chứng này. Từ đây suy ra Ngài quả là người đắc đạo vậy, nhưng chưa biết được quả vị sâu cạn.

### THÍCH BẢO VÂN

Chưa rõ Ngài tách danh là gì. Tương truyền rằng ngài là người Lương châu. Tuổi nhỏ xuất gia chuyên cần có học hạnh. Chí khí lại trong sáng cứng rắn ít gặp ở đời. Cho nên từ nhỏ đã có tên là thẳng thẳng thuần hậu. Vì có chí cầu pháp quên thân, muốn đi sang các nơi linh tích để cầu kinh pháp.

Thế rồi vào đầu nhà Tấn Long An, Ngài khởi hành sang Tây vực. Cùng đi có Pháp Hiển, Trí Nghiêm. Trải qua bao chặng đường nguy hiểm gian khổ, hết băng qua chặng đường nguy hiểm gian khổ, sa mạc hoang vu thì lại trèo lên ngọn Tuyết lãnh, gian nguy cực nhọc Ngài đến được các nước Vu Điền, Thiên-trúc..., thấy hết các nơi linh dị. Các nơi thánh tích của Phật Ngài đều chiêm bái. Ở đó Ngài học âm tự của các nước Tây vực, đọc hiểu hết các cổ huấn. Sau đó trở về Trường An, theo Thiền sư Phật-đà Bạt-đà tu tập thiền đạo. Không bao lâu Thiền sư bị chúng tăng nhà Hán đuổi đi, đồ chúng cũng đồng có lỗi, Pháp Vân cũng đi. Gặp ngài Tuệ Viễn ở Lô Sơn giải tỏa được sự diệt tẩn này, rồi cùng trở về kinh sư, trú ở chùa Đạo Tràng. Chúng tăng thấy Ngài chí lực kiên cố, hoằng đạo sâu dày, thấy đều đến học hỏi cung kính. Ngài dịch bộ kinh Tân Vô Lượng Thọ đa phần các kinh dịch ra sau này đều do Ngài làm. Ngài thông thạo cả Hoa, Phạm, âm huấn đều đúng. Chỗ dịch của Ngài đại chúng đều tin phục. Trước có Sa-môn Trúc Phật Niệm khéo việc tuyên dịch. Trong hai đời Phù và Dao đều do Pháp Hiển dịch ra kinh điển.

Ở vùng Giang Tả thì không ai dịch hơn ngài Bảo Vân. Thế nên giữa ranh giới Tống, Tấn truyền thông pháp tạng thì có Sa-môn Tuệ Quán ... đều là bạn lành với nhau. Tách Ngài thích ở chỗ vắng vẻ u nhàn, nên đến ở chùa Lục Hợp Sơn. Ngài dịch bộ: Phật bốn hạnh tán kinh.



Dân trí còn sơ khai ưa trộm cắp, Ngài nói pháp giáo hoá, phần nhiều đều hối cải, lễ sự cúng dường. Không bao lâu Tuệ Quán ở Đạo Tràng mất. Mọi người thỉnh Pháp Vân trở về kinh đô quản lý chùa. Ngài bất đắc dĩ trở về chùa Đạo Tràng, được gần một năm rồi lại trở về Lục Hợp. Năm Nguyên Gia hai mươi sáu thì ở đây Ngài viên tịch thọ bảy mươi bốn tuổi.

### CẦU-NA BẠT-MA

Dịch là Công Đức Khải, dòng dõi Sát-đế-lợi. Gia thế nhiều đời làm vua cai trị nước Kế Tân. Tổ phụ tên là Ha-lợi Bạt-đà, dịch là Sư Tử Hiền, tánh tình rất thẳng thắn cương trực. Cha tên Tăng-già A-nan, dịch là Chúng Hỉ, nhờ ngài thường ẩn cư tại sông ngòi rừng núi. Bạt-ma năm mười bốn tuổi căn cơ đã thâm đạt xuất chúng. Ngài sống như hậ, tôn sùng đạo đức làm thêm việc thiện. Người mẹ thường làm thịt loài dã thú cho ăn. Bạt-ma thưa:

- Loài có sanh mạng đều ham sống, vậy đừng nên ăn chúng

Mẹ giận nói: nếu có tội mẹ sẽ chịu thế.

Một hôm Bạt-ma chiền đầu sùi, lở làm đổ phồng tay, bèn nói với mẹ.

- Xin hãy chịu đau thế con.

Mẹ nói: Thân con bị đau, mẹ đau thay thế được.

Bạt-ma nói: việc khổ trước mắt còn không thể thay thế, huống chi khổ trong tam đồ.

Mẹ bèn hối hận, trọn đời không còn sát sanh nữa. Đến năm mười tám tuổi Ngài gặp một tướng sư bảo: năm ba mươi tuổi, ông đến một nước lớn ở phương Nam và được tôn xưng. Nếu không vui hưởng vinh hoa ở đời thì sẽ chứng đạo quả.

Hai mươi tuổi ngài xuất gia thọ giới, thông suốt chín bộ kinh, hiểu tỏ bốn bộ A-hàm, tụng đọc kinh điển hơn trăm vạn lời. Lại thâm đạt luật học, diệu nhập yếu chỉ Thiền môn. Đời bấy giờ gọi Ngài là Tam tạng Pháp sư. Năm ba mươi tuổi Ngài đến nước Kế Tân. Vua nước này bằng hà không con nối dõi. Quần thần thương nghị với nhau: ngày Bạt-ma vốn dòng dõi đế vương, lại có tài trí sâu dày, đức cao vọng trọng. Vậy chúng ta hãy thỉnh Ngài hoàn tục lên ngôi vua.

Hơn một trăm vị đại thần đến cầu thỉnh Ngài ba lần mà Ngài đều

không ưng thuận. Ngài từ biệt thầy lia đại chúng vào rừng sống đời tu hành đạm bạc, xa lánh thế tục, sau đó Ngài đi đến nước Sư Tử hoàng hoá chánh pháp. Người có kiến thức hiểu rõ đều cho Ngài đã chứng sơ quả. Oai nghi đoan chánh của ngài khiến cho loài vật cũng phát tâm tu hành.

Kế đến Ngài qua nước Xà-ba. Đêm trước hoàng thái hậu mơ thấy một vị đạo sĩ nương theo thuyền vào vương quốc. Hôm sau quả có ngài đến. Vương mẫu cung kính thỉnh xin thọ năm giới. Bà nói với vua: do nhân duyên nhiều đời mà ta được làm mẹ vua. Ta thọ giới rồi mà con không tin, sợ nhân đời sau sẽ không còn quả này.

Vua đành phải nghe lời mẹ mà thọ giới, lâu ngày thì cũng tin phụng Phật pháp. Một hôm nước lân bang cất quân xâm chiếm biên ải. Quốc vương nói với Ngài: giặc dựa vào sức mạnh muốn xâm chiếm bờ cõi. Nếu cùng chúng nghinh chiến thì tổn hại sanh mạng rất nhiều. Nếu không chiến đấu thì hoạ mất nước sẽ đến. Nay chỉ quy mạng nơi tôn sư không biết Ngài có diệu kế gì?

Bạt-ma nói: bọn giặc khởi binh chiếm đất, ắt rất hung hãn. Nhưng đại vương cứ khởi tâm từ bi, chớ có ý sát hại.

Vua lãnh đại binh ra bày thế trận. Nổi trống giăng cờ giao chiến với địch, chúng thua bỏ chạy. Quốc vương bị thương nơi chân. Ngài đọc thần chú vào ly nước, đưa cho vua rửa thương. Hôm sau vua bình phục nên càng thêm kính trọng và biết ơn Ngài. Quốc vương lại muốn xuất gia tu đạo, nên bảo với quần thần:

Trẫm muốn xuất gia làm Sa-môn, chư khanh hãy tìm vị minh quân khác.

Quần thần đều thành khẩn van nài ba lần nên quốc vương không nỡ bỏ đi nhưng bảo họ: Trẫm có ba ước nguyện, nếu các quan làm được thì trẫm sẽ ở lại trị nước: một là, người trong nước phải tin theo Phật pháp. Thứ hai, đoạn trừ tất cả sự giết hại. Ba là, tài sản trong nhà bố thí cho người nghèo.

Quần thần vui vẻ theo lời vua dạy đều tin phụng Phật pháp, mọi người đều thọ ngũ giới. Vua xây tịnh xá cho ngài Bạt-ma. Khi đang đốc xuất việc xây dựng. Vua bị thương nơi ngón tay, Ngài tụng chú gia nguyện, không bao lâu thì vua bình phục.

Đạo hoá danh đức của Ngài vang danh khắp nơi. Các nước lân bang đều gửi sứ thần sang thỉnh Ngài hoàng dương chánh giáo. Bấy giờ tại kinh sư, có Sa-môn Tuệ Quán, Tuệ Thông v.v... nghe danh đức Ngài bèn viết sớ dâng lên triều đình. Năm Nguyên gia nguyên niên. Họ lại

tâu với Văn Đế xin cầu thỉnh Ngài. Văn Đế ra chiếu lệnh cho thứ sử Giao châu, sửa soạn tàu thuyền, cùng Sa-môn pháp Trường, Đạo Sung, đi sang nước Xa-bà cầu thỉnh và viết thư cho Bạt-ma, vua Xa-bà là Bà-đa-già Ngài Bạt-ma muốn hoằng pháp rộng ra nên bằng lòng. Ngài không quản đường xá xa xôi tìm đến đất Tống. Ngài theo thuyền của thương nhơn Trúc Nan-đề đi đến một tiểu quốc, thuận theo gió thuyền đến Quảng châu. Ngài gửi thư cho Văn Đế nói:

Gió hạnh nghiệp đã đến đây. Nay xin báo tin văn đế biết ngài Bạt-ma đã đến Nam Hải, liền ra lệnh cho các thứ sử châu quận cung nghinh Ngài về kinh. Trên đường Ngài dừng lại ở Thủy Hưng. Vùng này có Hồ thị sơn, hình thế núi non lại cao vót đầy hiểm trở, Ngài thấy nơi đây phẳng phất như núi Kỳ-xà-quật nên đổi tên là Linh Thứu. Ngoài sơn tự Ngài cho cất một thiền thất. Thất cách chùa vài dặm mà âm thanh ở chùa không thể vang đến đó. Nhưng khi có tiếng kiểng đánh Ngài đều nghe và trở về chùa, dầm mưa mà không ướt áo, bùn đất không dính chân. Chư tăng thấy đều tôn kính Ngài.

Trong chùa có điện Bảo Nguyệt. Nơi phía Bắc của điện Ngài tự vẽ hình tôn giả La Vân và tượng Phật Định Quang và Nho đồng xoắn tóc. Vẽ xong, mỗi buổi tối tượng đều phóng quang ánh sáng tỏ chiếu không dứt. Quan thái thú Thủy Hưng là Thái Mậu lại càng tôn trọng cung kính. Sau này thái thú Thái Mậu mất, Ngài tự thân đến gia quyến an ủi. Người nhà mộng thấy Mậu cùng chúng tăng thuyết pháp trong chùa, tất cả đều do thần lực của Ngài gia hộ.

Vùng này vốn nhiều hổ báo, nhưng từ khi có Ngài về lưu trú, ngày đêm đi kinh hành, có khi gặp hổ sói, thì Ngài dùng tích trượng gõ lên đầu chúng nhẹ chúng bèn bỏ đi hết. Từ đó lũ khách qua lại không còn e sợ, ai cũng được cảm hoá tin phụng Phật pháp.

Ngài thường ở trong biệt thất nhập thiền, nhiều ngày liền không ra. Tăng chúng ở chùa sai một sa-di ra đó hầu hạ. Sa-di đến trông thấy một sư tử trắng đứng trên nóc am thất và trên hư không hoa sen bày đầy khắp. Chú tiểu kinh hoàng la lên, thì hiện cảnh đều biến mất. Những điều linh ứng đa phần là như thế. sau đó Văn Đế ban sắc lệnh đôn đốc Ngài về kinh đô. Tháng giêng năm Nguyên Gia thứ tám Ngài về đến Kiến Nghiệp.

Vua Văn Đế đích thân ra nghinh đón, ân cần vấn an. Vua hỏi: đệ tử thường muốn trì trai, không giết hại nhưng thường thân không theo ý. Pháp sư từ xa đến vậy Ngài dạy pháp gì?

Bạt-ma đáp: phạm đạo ở nơi tâm chứ không ở nơi vật, pháp do

mình chứ không do người. Vả lại sự tu trì của đại vương cùng chúng có sự khác biệt. Thứ dân thân kém danh liệt, lời nói không oai. Nếu họ không khắc kỷ khổ tu thì làm sao trở thành người hiền lương. Còn đối với hoàng thượng, vạn dân làm con. Một lời lành của Ngài nói ra thì dân chúng vui vẻ hân hoan. Nếu người ban bố chính sách thiện lương thì chư dân đều hoan hỷ. Còn như không hình phạt lương dân vô tội không bắt dân lao dịch, thì sẽ khiến cho mưa thuận gió hoà, thời tiết ôn hoà làm cho trăm thứ lúa gạo và cây cỏ được tốt đẹp tươi xanh. Trì trai như thế mới thật rộng lớn. Đức không sát bao trùm như thế. Sao lại cho rằng trong nửa ngày không giết hại con vật nào thì gọi là trì trai.

Văn Đế vỗ ghế than rằng: phạm tục mê mờ xa cách đạo lý cho nên thường bảo rằng giáo lý của Đạo là lời hư vọng. Còn hàng Sa-môn thì chấp vào chương cú câu kệ. Những lời của Pháp sư thật là khai ngộ sáng tâm, và hợp với lời lẽ trời người.

Vua mời Ngài ở chùa Kỳ Hoàn, cúng dường tôn kính rất hậu. Các hàng vương tôn danh sĩ đều tôn sùng. Không lâu sau Ngài khai đàn giảng Pháp Hoa và kinh Thập Địa tại chùa. Người đến nghe pháp rất đông. Sau có ngài Tuệ Nghĩa cung thỉnh Ngài dịch bộ Bồ-tát Thiện Giới gồm hai mươi tám phẩm. Đệ tử về sau dịch thêm hai phẩm nữa. Gồm ba mươi phẩm, phần chưa dịch bị mất phẩm tựa và phẩm giới, nên ngày nay thành hai bản, hoặc còn gọi là Bồ-tát giới địa. Đầu năm Nguyên Gia thứ ba, thứ sử Từ châu là Vương Trung Đức ở Bành Thành thỉnh Sa-môn Thiên-trúc là ngài Y-diệp Ba-la dịch kinh Tạp Tâm. Vì trở ngại nên ngài Y-diệp dịch đến phẩm trạch thì ngưng lại. Do đấy mà Vương Trung Đức thỉnh Ngài dịch tiếp phẩm hậu, đầy đủ mười ba phẩm. Ngài lại dịch Tứ Phần Yết-ma, Ưu-bà-tắc ngũ giới, lược luận Ưu-bà-tắc nhị thập tứ giới. Tổng cộng hai mươi sáu quyển. Văn nghĩa rõ ràng không sai Phạm văn. Bấy giờ chư ni chùa Ảnh Phước như Tuệ Quả, Tịnh Âm v.v... đến bạch với Ngài:

Sáu năm trước có tám sư cô từ nước Sư Tử qua kinh sư bảo đất Tống chưa có ni giới. Sao có thể ni tăng cùng thọ giới, sợ rằng giới phẩm chưa trọn vẹn.

Ngài bảo: giới pháp xuất pháp từ chư đại tăng. Nếu không theo bốn sự mà hành pháp yết-ma thì không đắc giới. Hãy xem lại duyên xuất gia của Bà Đại Ái đạo thì rõ.

Chư ni sợ giới phẩm chưa đầy đủ nên cầu thỉnh Ngài ban giới pháp. Bạt-ma đáp: lành thay, nếu muốn giới phẩm thêm sáng tỏ thì ta rất tùy hỷ giúp đỡ. Nhưng ni chúng đất Tây vực chưa đủ niên lạc, lại

chưa đủ mười người, nên để học Tống ngữ và nhờ cư sĩ Tây vực thỉnh thêm chư ni nước ngoài về cho đủ mười người.

Mùa hạ năm đó ở chùa Định Lâm Hạ, bấy giờ có tín thí đem hoa quả đến cúng dường. Những cánh hoa đặt cạnh toà ngồi của Ngài thì còn tươi, làm cho đại chúng tôn sùng Thánh thể.

Sau hạ Ngài trở về chùa Kỳ Hoàn. Ngày 28 tháng 9 năm đó dùng trai chưa xong, thì Ngài trở về điện các. Sau có người đệ tử đến thấy Ngài an nhiên thị tịch, thọ sáu mươi lăm tuổi. Trước khi nhập tịch, Ngài có viết ba mươi sáu bài kệ, tự bảo đã chứng nhị quả Tư-đà-hàm, rồi đưa thư cho đệ tử A-sa-la bảo:

Sau khi ta mất đưa thư này cho tặng chúng Thiên-trúc và chư tăng ở đây xem qua. Lúc nhập diệt, Ngài ngồi xếp bằng đoan toạ trên sàng thiền, gương mặt vẫn toả sáng hồng hào như nhập định. Hàng ngàn chư tăng ni và cư sĩ đến dự lễ an táng. Mọi người đều ngửi mùi hương lạ xông lên cùng thấy một con rồng dài khoảng một trượng từ nhục thân của Ngài bay lên hư không. Lúc này bốn bộ chúng đều vân tập. Trước giới đàn Nam Lâm y theo phong tục Thiên-trúc mà làm lễ trà-tỳ. Lúc ấy mây ngũ sắc chợt xuất hiện trên bầu trời xanh trong, khiến đạo tục ai nấy đều buồn thương. Nơi đó chúng tăng bèn lập bạch tháp thờ Xá-lợi của Ngài Cầu-na Bạt-ma. Chư ni muốn thọ giới đều thương khóc không ngớt.

Lúc Ngài đến kinh sư, Tống Văn Đế muốn theo Ngài thọ giới Bồ-tát. Vì phải lo chống giặc ngoại xâm, nên Tống Văn Đế chưa kịp cầu thỉnh, mà Ngài đã viên tịch, khiến vua đau lòng nuối tiếc. Tống Văn Đế ra lệnh cho chư tăng đọc bài kệ di chúc của Ngài. Kệ viết:

*Trước đành lễ tam bảo  
Chư thượng toạ tịnh giới  
Cõi trước nhiều xiểm khúc  
Hư nguy không tín thành  
Mê hoặc không biết rõ  
Khinh chê người đức hạnh  
Thế nên chư Hiền Thánh  
Hiện thân mà ẩn tích  
Ta Cầu-na Bạt-ma Vận  
mạng thời đã đến Chỗ  
đạt được công đức Nay  
nói lời chân thật  
Chẳng đem tâm tà vạy*

Hy vọng cầu danh lợi  
Khuyên những người giải đãi  
Tăng trưởng các pháp Phật  
Đại pháp lực như thế  
Nhân giả hãy lắng nghe  
Xưa ở nơi rừng hoang  
Thấy được các tử thi  
Ruột gan trùng ăn hại  
Máu mủ chảy hôi hám  
Buộc tâm duyên nơi đó  
Biết thân vốn là vậ  
Thường thấy thân tướng này  
Xan tham không sợ lửa  
Vô số loài như thế  
Tu tập quán tử thi  
Xả bỏ điều nghe biết  
Y chỉ nơi rừng sâu  
Ngày đêm chuyên tinh tấn  
Chánh quán không hề quên  
Cảnh giới hiện trước mắt  
Cũng như xem mặt gương  
Người và ta đồng nhau  
Do đó tâm tịch tĩnh  
Thân nhẹ rất tịnh minh  
Trong sáng tâm an lạc  
Tăng trưởng đại hoan hỷ  
Tức không sanh chấp trước  
Biến thành cốt tiêu tướng  
Bạch cốt hiện trước mắt  
Huỷ hoại chân tay rưng  
Bạch cốt tất cũng diệt  
Vô cấu trí sáng ngời  
Điều phục pháp tướng tư (suy nghĩ)  
Bây giờ đặc như thế  
Thân an rất nhu nhuyễn  
Phương tiện tu như thế  
Tiến đến chuyển tăng trưởng  
Vi trần niệm niệm diệt

*Hoại sắc chánh niệm pháp  
Đó là thân cứu cánh  
Sao duyên khởi tham dục  
Biết nhân của thọ sanh  
Như cá tham mỗi câu  
Nó thọ vô lượng khổ  
Niệm quán sát na diệt  
Biết rõ chỗ nương kia  
Do tâm vượn khởi khởi  
Nghiệp cùng nghiệp quả báo  
Theo duyên niệm niệm diệt  
Tâm sở biết bao loại  
Gọi là pháp sai biệt  
Tức là niệm tư tuệ  
Từng bước tu trọn vẹn  
Quán bao loại pháp tướng  
Tâm này chuyển rõ ràng  
Ta ở trong ngọn lửa  
Thấy rõ bốn niệm sứ  
Luật hạnh khởi từ đó  
Nhiếp tâm duyên trụ lại  
Khổ như kiếm lửa nóng  
Vì do khát ái chuyển  
Ái tận đạt Niết-bàn  
Thấy rõ khắp ba cõi  
Lửa cháy thiêu tử thi  
Hình thể thật nhỏ nhoi  
Hỷ hết, lạc phương tiện  
Thân từ từ sung mãn  
Thắng diệu tướng chúng sanh  
Đánh, nhấn cũng như vậy  
Là do tâm mình khởi  
Chân thật tánh phương tiện  
Từ từ lược cảnh giới  
Tịch diệt lạc tăng trưởng  
Đắc pháp thế đệ nhất  
Một niệm duyên chân đế  
Từng bậc pháp nhãn sanh*



Gọi là đạo vô lậu  
Vọng tưởng cùng trần cảnh  
Danh tự tất xa rời  
Cảnh giới nghĩa chân đế  
Trừ não được trong sáng  
Thành tựu quả tam-muội  
Rời cấu duyên trong sạch  
Không bóng cũng không trầm  
Tuệ tịnh như trăng sáng  
Lặng lẽ chánh an trụ  
Thuần nhất tướng tịch diệt  
Chẳng phải nơi tuyên thuyết  
Chỉ Phật năng chứng biết  
Na-ba A-tỳ-đàm  
Thuyết năm quả nhân duyên  
Thật nghĩa biết tu hành  
Chấp danh không thể thấy  
Chư luận bao loại khác  
Tu hành lý không hai  
Thiên chấp có thị phi  
Người đạt không tranh cãi  
Tu hành các điều tướng  
Nay ta không tuyên thuyết  
Sợ người khởi vọng tưởng  
Cuồng hoặc mê thế gian  
Nơi kia tu lợi tướng  
Ta đã thuyết ít phần  
Nếu người có Tuệ sáng  
Biết là do duyên khởi  
Nơi nước Ma-la-bà Đắc  
được sơ quả Thánh A-  
lan-nhã sơn tự  
Đạo tích tu viễn ly  
Sau ở nước Sư Tử  
Nơi thôn Kiếp-ba-lợi  
Tấn tu đắc nhị quả  
Gọi là Tư-đà-hàm  
Từ đó nhiều lưu nạn

Chương tu đạo ly dục  
 Thấy ta tu viễn ly  
 Biết là nơi không nhàn  
 Đều sanh tâm hy hữu  
 Lợi dưỡng liên tiếp đến  
 Ta thấy như lửa độc  
 Tâm sanh thật nhàm chán  
 Lánh loạn biển phù du  
 Xà-bà cùng Lâm Ấp  
 Nghiệp hành gió đẩy đưa  
 Tuỳ duyên nơi đất Tống  
 Vì vậy trong các nước  
 Tuỳ lực hưng Phật pháp  
 Chẳng hỏi chẳng nên hỏi  
 Hãy thật chân thật quán  
 Nay thân này diệt tận  
 Tịch như ngọn lửa tắt

### TĂNG-GIÀ BẠT-MA

Tăng-già Bạt-ma dịch là Chúng Khải. Vốn người nước Thiên-trúc, xuất gia từ nhỏ, anh tuấn lại có giới đức, khéo giải tam tạng, lại tinh thông Tạp tâm luận.

Đời Tống Nguyên Gia năm thứ mười. Ngài đơn thân vượt qua các bãi sa mạc mênh mông để đến Kiến Nghiệp. Tánh khí của Ngài rất nghiêm túc, ngôn hạnh y theo giới luật, hàng đạo tục đều tôn kính và gọi Ngài là “Tam tạng Pháp sư”. Năm đầu niên hiệu Cảnh Bình Ngài trụ ở chùa Bình Lăng. Nghe danh đạo hạnh tinh thuần của Ngài, Tuệ Quán ở chùa Đạo Tràng bèn cùng Thỉnh Ngài về chùa Bình Lăng này và hết lòng tôn sùng cúng dường để biểu thị sự kính trọng giới đức. Bạt-ma và Quán cùng xây thêm tháp ba tầng, nay là tháp (chùa?) Phụng Thành.

Ngày đêm, Ngài hành đạo đọc tụng kinh điển không thấy mệt mỏi. Tăng chúng tu tập được Ngài đạo hoá rồi lưu bố ra khắp nơi. Đầu tiên Ngài thuyết giới phẩm cho ni chúng chùa Ảnh Phước. Như ni sư Tuệ Quả thọ lại cụ túc giới. Bấy giờ chưa đủ hai chúng Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni. Nhờ Tam tạng khuyến hoá, không bao lâu chư Tỳ-kheo ni

từ nước Sư Tử, Thiết-tát-la đều đến. Chúng bèn cung thỉnh Ngài truyền giới pháp lại. Đại chúng đồng tôn Ngài làm bậc Tam tạng. Tuệ Nghĩa ở chùa Kỳ-hoàn đến kinh ấp, cùng Ngài tranh luận. Ngài đem tôn giáo mà hiển bày chứng minh lý pháp. Trở về, Tuệ Nghĩa mới hội phục đức hạnh của Ngài, sai đệ tử Tuệ Cơ đem lễ vật cúng dường.

Tăng ni theo Ngài tu học có hàng trăm người. Tống Bành Thành Vương Nghĩa Khang sùng kính giới đức của Ngài nên thường thiết lễ trai tăng cúng dường. Ở kinh ấp tăng chúng rất thịnh hành.

Ngài thông giải bộ kinh Tạp tâm, đọc tụng thông suốt. Ba tạng kinh điển tuy được dịch nhưng chưa nhuận sắc hiệu đính lại. Vào tháng chín năm đó, ở chùa Trường can, Ngài Tuệ Quán triệu tập các học giả, đồng đến cung thỉnh ngài Tăng-già Bạt-ma dịch kinh Tạp tâm. Bảo Vân chuyển ngữ, Quán tự ghi chép. Khảo chứng tra cứu chu toàn rồi mới hoàn tất. Kế đến Ngài dịch bộ Ma-đắc Lặc-già phân biệt nghiệp báo, lược khuyến chư vương yếu kệ, và thỉnh Thánh tăng tục văn.

Chí nguyện giáo hoá của Ngài không nhất định một nơi nào. Dịch kinh truyền pháp xong, Ngài từ biệt trở về bổn quốc. Đại chúng cố nài thỉnh Ngài lưu lại nhưng không được. Niên hiệu Nguyên Gia thứ mười chín. Ngài theo thương thuyền trở về Tây vực, không biết Ngài tịch ở đâu.

### ĐÀM-MA MẬT-ĐA

Đàm-ma Mật-đa dịch là Pháp Tú. Người nước Kế Tân. Lên bảy tuổi Ngài đã thông minh trong sáng, đoan chánh rất mực. Mỗi khi thấy chư tăng làm Phật sự Ngài vui mừng vô hạn. Cha mẹ rất thương con nhưng thấy con lạ lùng bèn cho phép xuất gia. Nước Kế Tân khi ấy có nhiều vị Thánh giả đạt đạo. Ngài liền tham phương cầu học minh sư, quán thông hết tất cả kinh điển và đặc biệt thâm nhập pháp thiền, liền bước vào cửa thiền nơi chốn cực vị áo diệu.

Tánh Ngài trầm tĩnh thâm thúy mà tuệ giải sâu xa. Nghi dung lại đoan chánh rõ ràng. Khi mới sanh hai đôi mi liền với nhau. Vì vậy người đương thời gọi là Liên mi Thiên sư. Ngài thích đi du lịch chư phương vì có chí nguyện hoằng hoá. Sau đó đến nước Quy Tư. Đêm trước nhà vua mơ thấy thần nhân báo: ngày mai sẽ có một vị đại phước đức vào nước này, đại vương nên cúng dường hậu đãi.

Hôm sau vua ra lệnh cho các quan ngoài biên ải, có dị nhân vào nước thì mau bẩm báo lại. Quả nhiên hôm đó ngài Đàm-ma Mật-đa đến. Quốc vương ra tận biên thủy đón tiếp, rước về hoàng cung. Vua xin Ngài thọ ngũ giới và hết lòng cúng dường tứ sự. Tuy an cư nhưng Ngài không màng lợi dưỡng. Ở đó ít lâu Ngài định sang nước khác. Thần nhân lại báo mộng cho vua: người phước đức sắp rời bỏ đại vương rồi.

Tỉnh dậy nhà vua kinh hoàng, buồn bã cùng quần thần cố nài thỉnh Ngài lưu lại, nhưng không được. Sau đó Ngài vượt qua các bãi sa mạc đi đến Đôn Hoàng lập một tịnh xá nơi vùng đất hoang vu này, trồng cây khai khẩn vườn tược cả trăm mẫu, xây phòng xá thật trang nghiêm. Kế đến Ngài đến Lương châu. Nơi đây công phủ cũ Ngài xây Thiền đường, cùng thu nhận đồ chúng theo học thiền pháp. Chúng tu Thiền kéo đến rất đông.

Ngài muốn đến vùng Giang tả truyền pháp. Niên hiệu Nguyên gia năm đầu, từ Lương châu Ngài đi đến đất Thục, dừng ở Kinh châu, cất thiền đường ở chùa Trường Sa. Do lòng thỉnh cầu thành khẩn của Ngài, qua vài ngày thì có được xá-lợi, toả ánh sáng chiếu đầy cả am thất, khiến cho hàng tăng tục đều phát tâm đồng mãnh tu hành. Không bao lâu Ngài lại theo thuyền đến kinh sư. Đầu tiên Ngài ở chùa Trung Hưng. Sau đó dời về chùa Kỳ-hoàn. Đạo phong của Ngài vang xa các vùng lân bang, truyền vào kinh đô, ai ai cũng đều sùng kính. Từ vua hoàng hậu cho đến thái tử công chúa, đều thiết trai tại cung thỉnh cầu cúng dường Ngài. Do lời thỉnh cầu, Ngài dịch kinh, tại chùa Kỳ hoàn. Ngài dịch các bộ Thiền kinh, Thiền pháp yếu, Phổ Hiền quán, Hư không tạng quán v.v... Ngài đem thiền đạo ra để giáo hoá. Tăng tục từ ngàn dặm xa xôi đều về thọ thiền học. Mọi người đều gọi ngài là “Đại Thiền sư”. Quan thái thú Bình Xương Mạnh Nghị ở Cối Kê, rất thâm tín chánh pháp, xem Phật sự là nhiệm vụ của mình. Nhờ nếm được Thiền vị, nên tâm càng cung kính ân trọng của Ngài. Một lần ngài cùng thái thú đi du hoá đến Ngân huyện ở Chiết Giang và xây dựng chùa tháp tại đó. Dân chúng vùng này tin theo bùa chú đồng bóng. Ngài ở đó giáo hoá cho họ sửa đổi tín ngưỡng, quy y Tam bảo. Từ Đông sang Tây ai ai cũng kính phục. Năm Nguyên Gia thứ mười Ngài trở về kinh đô, ở chùa Định Lâm hạ núi Chung Sơn.

Ngài Mật-đa tánh tình rất điềm đạm, trầm tĩnh, thích cảnh non nước. Vì thế mà Ngài chọn nơi núi cao. Trên Chung sơn Ngài lập chùa Kiến Thượng vào năm mười hai niên hiệu Nguyên Gia. Sĩ thứ nghe tin Ngài xây chùa, bèn cúng dường tịnh thí. Thiền đường tịnh xá vừa được

xây cất xong, Tăng chúng từ muôn dặm hội tụ về tu tập thiền định, đọc tụng kinh điển làm cho đạo phong Ngài vang xa.

Đạt Thiên sư là đệ tử thân túc của Ngài, cũng hoằng hoá truyền đạt đạo mầu làm cho thanh âm vang xa khắp nơi. Từ Tây vực sang phương Nam, những nơi Ngài đến đều lập ra đàn hội phu diễn giáo pháp như ở nước Kế tân vậy. Ngài được thần vương Ca-tỳ-la theo hộ vệ. Khi đến nước Quy Tư, thần vương hiện nguyên hình ngay giữa đường cáo từ Ngài trở về và thưa:

Thần lực của Ngài biến thông khắp nơi nên không cần có con theo hộ vệ về Nam. Nói xong thì thần biến mất. Do vậy khi lập xong chùa trên Chung sơn Ngài bèn hoạ lại tượng của thần vương Ca-tỳ-la, treo trên vách tường. Tượng này hiển hiện ra nhiều điều linh dị. Ai chí thành cầu phước đều được như ý nguyện.

Ngày mùng 6 tháng 7, niên hiệu Nguyên Gia thứ mười chín (442) Ngài viên tịch ở Kiến thượng, thọ tám mươi bảy tuổi. Tăng tục bốn phương đều thương tiếc. Phần mộ của Ngài được xây ở chùa Tống Hy trước Chung Sơn.

---

### THÍCH TRÍ MÃNH

Ngài ở Tân Phong, Kinh Triệu, Ung châu. Bẩm tánh đoan minh, lực hạnh đều minh bạch. Thuở nhỏ đã may pháp tục, tu nghiệp rất chuyên cần, tiếng tụng kinh vang cả ngày đêm. Mỗi khi nghe đạo như nói ở Thiên-trúc có di tích Phật Thích-ca và các kinh Phương đẳng. Ngài thấy lòng cảm khái sâu xa muốn hành hoá phương xa.

Vào năm Giáp Thìn, Hoàng Thủy thứ sáu (nhà Tần) Ngài chiêu mộ Sa-môn đồng chí hưởng được mười lăm người, phát tích từ Trường An, qua sông vượt suối đến ba mươi sáu chỗ. Đến thành Lương châu, từ Dương Quan theo hướng Tây đến vùng lưu sa (sa mạc). Trải qua bao gian nguy hiểm trở ngài đến các nước Quy Tư, Vu Điền. Từ Vu Điền đi hướng Tây nam hai ngàn lý, mới lên ngọn Thông lãnh, chín người đã quay trở về. Trí Mãnh cùng bạn lữ còn lại đi thêm một ngàn bảy trăm lý thì đến nước Bà-luân. Đồng bạn Trúc Đạo Cao lại mất. Trí Mãnh muốn trà-tỳ cho bạn, chợt thi thể biến mất, Ngài thương tiếc than thở không nguôi. Thế rồi người tự lực một mình tiến bước cùng bốn người vượt qua núi tuyết. Qua sông Tân-đầu đến nước Kế Tân. Trong nước có

năm trăm vị La-ján thường qua lại ao A-nậu-đạt có vị đại đức La-hán thấy Trí Mãnh đến thì vui mừng. Mãnh hỏi thăm phương hướng. La-hán nói các việc của tứ thiên tử. Việc này có ghi đầy đủ trong bốn truyện. Ngài ở nước Kỳ-sa thấy văn bia đá của Phật bị xoá mờ. Lại thấy được bát Phật, màu sắc rõ ràng rực rỡ bốn bên. Ngài dùng hương hoa cúng dường, đánh lễ phát nguyện. Nếu bát có linh ứng thì có thể nhẹ nặng. Bát liền nặng lên phải dùng sức mới có thể khiên nổi. Khi hạ xuống thì không có cảm giác nặng nữa. Đây là do đạo tâm cảm nên ứng như thế.

Ngài lại đi về hướng Tây nam hơn một ngàn ba trăm lý đến nước Ca-tỳ-la-vệ chiêm ngưỡng tóc, răng và xương nhục kế của Phật. Những di tích của Phật vẫn còn đầy đủ rõ ràng. Lại trông thấy rừng Kỳ-hoàn kiên cố và cây Bồ-đề hàng phục ma vương. Trí Mãnh rất vui mừng ở lại cúng dường đánh lễ một ngày, lại đem đại y bảo cái che tượng hàng ma. Ngài đi chiêm ngưỡng quán sát các sự linh biến, mà dấu ao trời Thiên-thệ cũng không thể hơn được. Sau đó Ngài đến nước Hoa Thị là kinh đô cũ của vua A-dục. Có vị đại trí Bà-la-môn là La-duyệt Tông rất được nhà vua nước này tôn trọng. Sa-môn xây pháp tòa bằng bạc cao ba trượng. Khi thấy Trí Mãnh đến Ngài hỏi: đất Tần có học đại thừa không?

Đáp: đều học theo đại thừa cả. La-duyệt kinh ngạc khen rằng: hy hữu, hy hữu. Đó chẳng phải nơi Bồ-tát đạo hoá sao?

Trí Mãnh ở đây có được bộ kinh Đại Niết-bàn Phạm bốn, lại được bộ tạng-kỳ luật và các kinh tiếng Phạm khác. Ngài phát nguyện lưu hành, sau đó Ngài trở về. Năm Giáp tý Ngài đi từ Thiên-trúc, ba người bạn đồng hành giữa đường đều tịch cả. Chỉ còn Ngài và Đàm Soạn trở về tới Lương châu. Ở đây Ngài dịch kinh Niết-bàn được hai mươi quyển. Năm Nguyên gia thứ mười bốn Ngài vào đất Thục, tháng 7 năm mười sáu Ngài viết lại truyện ký về chuyến du lịch của mình. Cuối năm đó Ngài mất ở thành đô.

---

### CƯƠNG-LƯƠNG DA-XÁ

Dịch là Thời Xưng, người Tây Vực. Tánh Ngài cương trực ít ham muốn, thường đọc tụng A-tỳ-đàm, tinh tường luật tạng, nhưng chỉ chuyên về Thiên pháp. Mỗi lần nhập thiền Ngài ngồi suốt tuần chưa dậy. Ngài đem chánh thọ tam-muội để đi giáo hoá dân chúng ở các nước lân cận.

Đầu niên hiệu Nguyên gia Ngài ra đi vượt bao núi non đến Kinh Ấp. Thái tổ Văn Đế rất tán thán vui mừng. Đầu tiên Ngài trụ tại tịnh xá Đạo Lâm ở Chung Sơn. Sa-môn Bảo Chí hết lòng tin phụng tôn sùng pháp thiền của ngài, do chừ Sa-môn khẩn thỉnh Ngài dịch kinh Dược Vương, Dược Thượng quán và Vô Lượng Thọ quán hai bộ. Kinh này xiển dương bí quyết Tịnh độ, cho nên kinh dịch ra bèn được lưu truyền khắp nước Tống. Thái thú Bình Xương là Mãnh Nghị nghe tiếng Ngài rất khâm phục và đem lễ vật đến cúng dường. Nghị ra làm thái thú ở Cối Kê thỉnh Ngài xuống núi mà không được. Sau đó Ngài đến Giang Lăng. Niên hiệu Nguyên gia thứ mười chín ngài theo hướng Tây đi đến đất Thục. Nơi nơi Ngài đều hoằng hoá Thiền pháp. Về sau Ngài thị tịch ở Giang Lăng thọ sáu mươi tuổi.

Đương thời có hai vị Sa-môn Thiên-trúc là Tăng-già Đạt-đa và Tăng-già La-đa cũng thâm nhập pháp thiền và du hoá sang Tống. Ngài Đạt-đa thường ngồi thiền ở trong núi. Một hôm đến giờ ngộ, Ngài xả thiền để dùng cơm, chợt có bầy chim mang trái cây đến để trước mặt Ngài. Ngài nghĩ ngày xưa khi vượt đàng mật ong Phật thọ nhận, nay chim mang trái cây đến sao ta không thọ.

Nghĩ xong Ngài nhận trái cây và dùng. Nguyên gia mười tám, Vương Khang ở Lâm Tuyền thỉnh Ngài đến Giang Lăng kết hạ an cư. Sau Ngài tịch ở Kiến Nghiệp.

Tăng-già La-đa dịch là Chúng Tế. Cuối đời Tống Cảnh Bình, Ngài đến kinh sư (Kiến Nghiệp), thường đi khát thực ở trong nhân gian, và vào rừng toạ thiền, ở nơi vắng vẻ xa lánh trần tục. Năm Nguyên gia thứ mười, Ngài đến Chung Phụ an cư, chặt cỏ gai xây tịnh xá, tức tịnh xá Tống Hi.

---

### CẦU-NA BẠT-ĐÀ-LA

Cầu-na Bạt-đà-la dịch là Công Đức Hiền. Là người Trung Thiên Trúc. Ngài học theo đại thừa nên đời gọi ngài là Ma-ha-diễn. Ngài thuộc dòng dõi Bà-la-môn. Tuổi nhỏ đã học các bộ luận Ngũ minh, các môn thiên văn, ngôn ngữ, toán thuật v.v.....ngài đều uyên bác tinh thông. Một hôm xem quyển A-tỳ-đàm Tạp Tâm Luận, Ngài khâm phục yếu chỉ đại đạo, mới bắt đầu nghiên cứu Phật pháp. Song vì gia đình vốn ngoại đạo nên cấm chỉ việc học Phật. Ngài bèn bỏ nhà đi khắp nơi,



để tầm cầu minh sư học đạo. Rồi Ngài xuống tóc xuất gia, chuyên tâm nghiên cứu học Phật. Sau khi thọ cụ túc Ngài bác thông cả tam tạng. Đối với người Ngài luôn có tâm từ bi nhu hoà, kính cẩn. Với thầy hết lòng kính lễ hầu hạ. Không bao lâu Ngài từ biệt thầy học tiểu thừa để tiến học pháp đại thừa. Một hôm thầy đại thừa bảo Ngài đem kinh trong rương ra. Ngài liền lấy bộ Đại Phẩm Hoa Nghiêm, rồi đem đến cho thầy. Thầy bảo: con cùng pháp đại thừa thật có duyên sâu xa.

Sau đó ngài tụng đọc giảng, nói bộ kinh này không ai có thể chất vấn lại. Khi thọ giới Bồ-tát, Ngài trở về nhà khuyên nhủ cha mẹ quy y Phật pháp:

“Nếu cha mẹ cứ giữ theo pháp ngoại đạo, thì con sẽ không trở về nữa. Nếu quy y Tam bảo thì sẽ thường trở về”.

Nghe vậy cha mẹ liền bỏ tà theo chánh. Rồi Ngài đi đến nước Sư Tử truyền pháp. Nhưng thấy mình có duyên với phương Đông. Một hôm gió ngừng thổi làm cho thuyền không thể chạy. Người trên thuyền âu sầu lo lắng vì nước dự trữ đã hết. Ngài bảo: chúng ta hãy đồng tâm hiệp lực, chí thành niệm danh hiệu chư Phật, ắt sẽ được cảm ứng.

Nói xong mọi người thâm đọc kinh chú cho đến lễ sám không ngừng. Không bao lâu gió thổi đến, mây đen vãn vũ trên bầu trời, mưa đổ xuống để cho mọi người có nước uống. Nhờ tâm trí thành mà có cảm ứng như thế.

Năm Nguyên gia thứ mười hai Ngài đến Quảng châu. Thứ sử Xa Lăng dâng biểu lên vua Tống Văn Đế liền sai sứ đi cung nghinh. Khi Ngài đến kinh sư vua bảo các danh tăng đương thời như Tuệ Quán, Tuệ Nghiêm v.v... tới lui thăm hỏi. Thấy tinh thần thanh thoát của Ngài, quý vị đều chân thành kính ngưỡng và giao tiếp học tập. Đầu tiên Ngài ở chùa Kỳ-hoàn, rồi bắt tay ngay vào việc hoằng dương Phật pháp. Vua Thái Tổ rất cung kính khâm phục Ngài.

Một danh sĩ tài ba đương thời là Nhan Diên Chi, cũng đến lễ bái. Thế là các danh sĩ ở kinh sư đồng tới tham bái Ngài tấp nập. Đại tướng quân ở Bành Thành là Vương Nghĩa Khang, thừa tướng Vương Nghĩa Tuyên, đồng tôn Ngài làm bậc thầy. Không bao lâu tăng chúng thỉnh cầu Ngài phiên dịch kinh điển. Vì vậy Ngài vân tập các danh tăng nghĩa học dịch bộ Tạng A-hàm tại chùa Kỳ-hoàn và kinh pháp cổ tại chùa Đông An. Sau đó ở quận Đan Dương Ngài dịch bộ Thắng-man, Lăng-già. Đồ chúng vân tập hợp bẩy trăm người phụ trợ trong công tác phiên dịch đều thâm sâu nhưng lưu loát, hiển bày rõ tâm chí.

Sau Tiều Vương trấn ở Kinh châu thỉnh Ngài cùng đi theo. Đến

nơi ông hỗ trợ Ngài trong việc xây cất tăng phòng, đắp tô tượng Phật v.v.....tại Tân tự. Ở đây Ngài dịch kinh Vô Ưu Vương, kinh Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả, kinh Vô Lượng Thọ, Niết-bàn, Ương-quật-ma-la, Tương tục giải thoát, Ba-la-mật liễu nghĩa, Hiện tại Phật danh, Đệ nhất nghĩa ngũ tướng lược, Bát kiết tường,... tổng cộng hơn một trăm bộ. Ngài bảo đệ tử là Pháp Dũng truyền dịch tiếng Ấn Độ. Tiểu Vương lại thỉnh Ngài giảng kinh Hoa Nghiêm. Nhưng Ngài nghĩ mình chưa thông thạo tiếng Hán nên hổ thẹn vô cùng. Do đó Ngài ngày đêm lễ cầu sám hối, cầu Quan Âm gia hộ, một hôm Ngài mộng thấy một vị mặc y phục trắng, lưng đeo kiếm, tay cầm một đầu người, đến trước mặt Ngài hỏi:

- Sao thầy ưu sầu.

Ngài thuật lại các việc. Người kia bảo: không có gì phải lo.

Người ấy bèn rút gươm ra chém đứt đầu Ngài, thay vào cái đầu khác đang cầm trong tay vào cổ. Cái cổ mới tự nhiên chuyển động như thường, rồi hỏi:

\_ Có đau không?

Ngài đáp: không đau!

Khi tỉnh dậy, lòng Ngài vui vô cùng. Hôm sau Ngài thông thạo tiếng Hoa. Thế là Ngài đăng đàn giảng kinh.

Cuối niên hiệu Nguyên gia, Nam Tiều thường thấy những điềm mộng quái dị, có đến hỏi Ngài. Ngài bảo:

Kinh sư sẽ có họa loạn phát sanh. Chưa đầy một năm, quả nhiên giặc Nguyên hung phản nghịch. Đầu năm Hiếu Kiến, Nam Tiều có âm mưu phản loạn, Ngài tỏ vẻ lo âu, nhưng chưa tìm được cơ hội cản trở. Tiều Vương hỏi duyên cớ, Ngài ân cần khuyên nhủ, nhưng Nam Tiều không nghe. Ngài rơi lệ nói: nếu Ngài không hồi tâm chuyển ý, bần đạo sẽ không lưu lại. Tiều Vương vì muốn có Ngài làm tin nên bức bách Ngài theo phản loạn. Tại Lương Sơn quân của Nam Tiều bị bại, thuyền của Ngài bị cháy rụi. Lúc này thuyền ở giữa dòng sâu, rất cách xa bờ, Ngài nghĩ khó thoát đại nạn. Ngài nhất tâm xưng danh hiệu Bồ-tát Quan Âm, rồi cầm một cây gậy trúc nhả xuống dòng sông nước chỉ đến gối, lấy gậy dò thì nước chảy sâu và mạnh. Chợt có một đứa bé kéo Ngài vào bờ Ngài hỏi: - Người chỉ là một đứa bé sao vượt ta được.

Hốt nhiên Ngài thấy mình ở trên cách bờ biển hơn mười bước. Ngài cởi áo choàng tính cho đứa bé, song Ngài không còn thấy đầu cả, nên biết mình đã được thần linh cứu mạng.

Vua ra lệnh cho Vương Huyền Mô rằng nếu bắt được Ma-ha Diễn thì phải báo tin và giải về kinh đô. Tìm bắt được Ngài, Vương Huyền

Mô bèn giải về kinh. Khi vào triều, Tống Hiếu Đế liền đến vấn an, ân cần hỏi han, biểu lộ tình cảm ngưỡng mộ và bảo: trăm ngưỡng mộ từ lâu, nay mới gặp.

Ngài bảo: thân nạn binh đao tưởng là nát thây. Nay được tiếp kiến không hiềm nghi, ấy là công tái tạo. Vua hỏi: ai đồng mưu làm phản?

Ngài đáp: người xuất gia vốn không tham dự vào cuộc binh biến, nên tôi không biết những ai đồng mưu phản loạn. Nhưng tôi cùng Trương Sướng, Tống Linh Tú... Đều bị ép bức tham gia... thật không ngờ do túc duyên nên mới gặp nạn này.

Vua nói: Ngài chớ lo.

Vua sai người đưa Ngài trú ở hậu đường cúng dường y vật, cung cấp người xe hầu hạ. Khi Bạt-đà ở tại Kinh châu, mười năm thường viết thư, sớ qua lại với Nam Tiều. Sau khi đại bại, quân của Hiếu Đế tìm được lá thư đó dâng cho vua. Hiếu Đế thấy không dính dáng gì đến quân binh, nên càng tin tưởng. Một hôm vua hỏi: có nhớ thừa tướng không?

Ngài đáp: tôi thọ sự cúng dường của ông ấy trong mười năm, sao lại quên được ân đức. Nay xin điện hạ cho tôi được dâng hương cầu siêu độ cho ông ta ba năm. Vua cảm động vì ân nghĩa đó nên bằng lòng. Khi chùa Trung Hưng xây xong, vua mời Ngài sang đó cư trú. Trong một bữa tiệc, các vương công đại thần đều đầy đủ. Khi đó Ngài chưa kịp cạo tóc, nên mang đầu tóc bạc trắng đi đến. Vua ngược nhìn từ xa rồi bảo quan thượng thư Tạ Trang:

- Vị Ma-ha Diễn này thật thông minh tài trí. Song việc sống chết của Ngài không còn bao lâu. Trăm sẽ thử thách. Nhất định Ngài sẽ biết ý trăm.

Ngài vừa bước lên các bậc thang của cung điện. Vua bước ra nghinh đón nói:

- Ngài không cô phụ từ xa đến đây, nhưng còn một việc chưa làm xong. Ngài bảo: tôi từ xa đến kinh đô này gần ba mươi năm. Vua đối đãi với tôi thật rất ân cần thâm hậu. Tôi thật xấu hổ không đáng để thọ ân trọng. Tôi nay đã bảy mươi tuổi. Bây giờ chỉ còn cái chết chưa làm xong. Thấy ngài biện tài vô ngại, vua càng khâm phục và bảo Ngài ngồi kề bên vua. Quân thần đều ghé mắt nhìn.

Chùa Tây Khởi ở lầu Phụng Hoàng tại Mạt Lăng vào mỗi giữa đêm, cánh cửa chùa thường phát ra âm thanh mà không thấy bóng người nào. Vài tăng sĩ cũng thường giật mình, khiến tâm thần đại chúng cũng không an, nên đến cầu Ngài. Ngài bèn dâng hương khẩn nguyện: túc

duyên của quý vị vốn ở đây. Nay tôi xây cất chùa tại đây. Cũng thường thay quý vị mà hành đạo lễ bái. Quý vị muốn trụ lại đây, thì nên trở thành thiện thần hộ pháp. Nếu không trụ đây, thì xin đi nơi khác.

Tối hôm đó nhiều người mộng thấy quỷ thần bay lên trời biến mất, từ ấy chúng tăng không còn bị quỷ thần quấy nhiễu. Niên hiệu Đại minh thứ sáu, các nơi bị hạn hán. Cầu đảo thần núi sông nhiều tháng mà không được bèn thỉnh Ngài cầu mưa. Nếu không được thì chớ gặp vua nữa. Ngài bảo:

- Nương tựa Phật pháp lại nhờ oai lực của vua, thì nhất định trời sẽ mưa. Nếu không thành công thì tôi cũng không mặt mũi nào để nhìn vua.

Ngài đến Diệu Đài ở Bắc Hồ. Chẳng màng ăn uống, Ngài dâng hương cầu mưa, âm thầm tụng kinh, đọc chú không ngừng. Sáng thứ hai, vào giờ thân, từ phía Tây bắc quả có mây hội tụ, trong khoảnh khắc gió thổi đến, mưa tuôn ào ạt. Hôm sau các quan đều đến chúc mừng. Vua triệu Ngài vào kinh tường thưởng. Ngài trường trai từ nhỏ đến cuối đời. Tay thường cầm theo bình hương. Mỗi khi thọ trai xong, lấy thức ăn dư thừa phân phát cho chim, chim chóc cũng thường đến đậu trên tay Ngài, không có chút sợ hãi.

Tháng giêng năm Thái Thỉ thứ tư, ngài cảm thấy thân thể bất an, bèn cáo từ Tống Minh Đế và các quan. Ngày lâm chung ngắm mãi lên trời thấy chúng thánh và thiên hoa. Gần giờ Ngọ thì tịch, thọ bảy mươi lăm tuổi. Vua đau đớn vô cùng, nên phúng điệu thâm hậu. Các quan ai cũng buồn bã thương tiếc.

Lại có Sa-môn Bảo Ý, tên tiếng Phạm là A-na Ma-đề, họ Khang. Người Khang Cư gia thế ở Thiên Trúc. Trong niên hiệu Tống Hiếu Kiên Ngài đến kinh sư.

Ngài thường tọa thiền ở dưới gốc cây, lại thông hiểu kinh luật. Mọi người đều gọi thầy là Tam tạng. Ngài giỏi về thần chú, biết việc kiết hung, lấy hương chà trên tay, cũng thấy việc trước kia của người. Tống thế tổ có cúng dường cho Ngài một ống nhỏ cao hai thước thường đặt trước giường, rồi ăn trộm đến lấy đi, dùng chiếu quấn lại Ngài chú nguyện trong ba đêm liền thì ống đồng hoàn lại chỗ cũ. Tăng tục bốn phương đều kính mộ cho là thần dị. Tề Văn Tuệ, Văn Tuyên và Lương Thái Tổ đều hành kính lễ như bậc thầy. Cuối năm Vĩnh minh Ngài mất ở nơi sở trụ.

-----

## CÂU-NA TỖ-ĐỊA

Dịch là An Tiến, người Trung Thiên-trúc, xuất gia từ thuở nhỏ. Bốn sư là Pháp sư đại thừa người Thiên Trúc tên Tăng già Tư. Ngài là người thông minh nhớ lâu, chuyên cần đọc tụng kinh kệ. Hiểu biết thông suốt hơn hai vạn lời các kinh đại tiểu thừa. Lại học cả ngoại điển khéo giải âm dương, việc chứng nghiệm đương thời chẳng phải một lần. Đời Kiến Nguyên Sơ nhà Tề Ngài đến kinh sư ở chùa Tỳ-da-ly. Ngài cầm tích tượng theo đồ chúng uy nghi thật nghiêm túc. Các hàng vương công đại thần đều cung thỉnh. Đầu tiên Ngài Tăng-già Tư ở nước Thiên Trúc, sao chép kinh tạng những bài thí dụ thiết yếu soạn ra trong kinh tạng được một bộ, gồm có Bách sự (một trăm việc) để dạy cho người mới học. Tỳ-địa học thông cả nghĩa lý yếu chỉ. Mùa thu năm Vĩnh Bình thứ mười Ngài dịch ra Tề văn, gồm có mười quyển, gọi là kinh Bách Dụ. Ngài cũng dịch kinh Thập nhị nhân duyên và kinh Trưởng giả Tu-đạt, mỗi bộ một quyển. Từ Đại Minh về sau mới hết dịch kinh, và việc lưu truyền đều tốt đẹp. Tỳ-địa là người sâu xa rộng thoáng nên người người từ vạn lý đều quy tập về. Bọn thương nhân ở Nam Hải thường đến cúng dường. Ngài thọ nhận hết để làm Pháp sư. Ngài xây chùa Chánh Quán ở Kiến Nghiệp, có đầy đủ lầu gác điện đường trang hoàng lịch sự. Năm Trung Hưng thứ hai Ngài mất ở nơi cư trú.

Đầu nhà Lương có Ngài Tăng-già Bà-la, cũng là học tăng từ nước ngoài đến. Dung nghi đoan chánh, Ngài giỏi về đàm luận. Khi đến kinh sư cũng dừng lại ở chùa Chánh Quán. Vua tiếp đãi ân cần sắc cho Ngài ở chùa Chánh Quán nơi điện Thọ Quang.

Ngài dịch các bộ: Đại Dục Vương Kinh, Giải Thoát Đạo Luận v.v... các vị Thích Bảo Xương, Viên Đàm v.v... ghi chép lại.

Luận rằng: công của việc truyền dịch thật to lớn vậy. Chẳng phải không được mà tự xưng lên vậy. Đức Như Lai sau khi diệt độ, các vị trưởng lão như Ca-diếp, A-nan, Mạt-điền-địa cũng trụ trì đầy đủ tám vạn pháp môn. Việc truyền đạo cũng có nhiều vị đầy đủ trí tuệ công đức. Thánh tuệ vẫn tỏ soi rạch rõ. Về sau có các ngài Ca-chiên-diên-tử, Đạt-ma Đa-la, Đạt-ma Thi-lợi Đế v.v... cùng bác thông các bộ luận, các vị đều có trước tác giảng thuyết. Đều là tổ thuật của tứ hàm, tông quỹ của tam tạng. Đến thời Long Thọ, Mã Minh, Bà-tẩu Bàn-đậu, đã làm cho các bộ Phương đẳng thâm kinh càng bao quát ý nghĩa. Phát nguyên từ bộ kinh Bát-nhã lưu quán khắp song lâm, tuy gọi là hoá hợp xương long mà cũng đặc được bốn tánh, nhờ vậy mà Tam bảo pháp luân không

đoạn tuyện. Trong năm trăm năm đầu còn gọi là thời kỳ chánh pháp tại thế.

Phàm các việc thần hoá đến các việc xa gần này, một âm thanh, một ánh sáng làm chấn động cả nơi khác. Một điện đài một bảo cái che phủ các nước, thẳng đến vùng Ca-tỳ. Cho dù đường xa trắc trở sông núi chập chùng, dùng thần lực của thánh nhơn thì vượt qua dễ dàng không còn ngăn trở. Rồi khi duyên vận đồng cảm, danh giáo dần dần khế hợp. Hoặc xưng là chủ Phù-đồ. Hoặc gọi là đại thần Tây Vực. Cho nên đời Hán Minh Đế, sắc chiếu cho Sở Vương Anh rằng: vương tưng vi ngôn của Hoàng lão hơn là nhân tự của Phù-đồ và mộng thấy người nên sai sứ sang Tây vực. Từ đó có ngài Ma-đăng Trúc Pháp Lan hoằng hoá đạo pháp. Trái thân ngàn dặm gian khổ rồi cũng đến.

Nhưng Di, Hạ không đồng, âm vận ngăn cách, tự chẳng phải là tịnh quát, lời di ngôn lãnh hội thật khó khăn, lại có các vị Chi Khiêm, Nhiếp Thừa Viễn, Trúc Phật Niệm, Thích Bảo Vân, Trúc Thúc Lan, Vô-la-xoa v.v... cùng giỏi cả Hán lẫn Phạm, nên cùng tận lực phiên dịch. nhất ngôn tam từ yếu chỉ phân minh. Về sau lại dùng cung thương xứ này để tô sức thành chế.

Luận rằng: tùy phương tục ngữ có thể khai thị chánh nghĩa. Trong chánh nghĩa, tùy theo chánh nghĩa mà gọi như thế.

Về sau có ngài Cư-ma La-thập, là bậc uyên bác thần học sâu xa. Ngài chu du khắp vùng châu thổ hiểu hết các phương ngôn. Lại hận văn dịch xưa chưa thoát ra hết những lời tốt đẹp. Ngài liền đem các bản chữ Phạm ra dịch lại. Cho nên hai bản dịch kim cổ đều khác nghĩa. Bây giờ có các vị học giả Sanh, Dung, Ảnh, Duệ... cùng phiên dịch giải nghĩa hiệu đính với Ngài. Ở Trường An phiên dịch Ngài được xưng đầu. Khi đó ở Dao Hưng có Hoàng Kỳ, sùng kính Tam bảo, sai người cầu thỉnh pháp tạng. Pháp môn tam tạng có duyên ắt sẽ gặp. Từ cuộc Đông du mà Phật đạo trở nên hưng thịnh tại đây. Phật Hiền Tỳ-kheo ở Giang Đông dịch bộ Hoa Nghiêm. Đàm Vô Sấm ở Hà Tây dịch bộ Niết-bàn diệu giáo và chú sư dịch ra bốn bộ A-hàm, năm bộ Kiền-độ Bà-sa....đều đem pháp bốn lý hợp với tam ấn. Mà Đồng Thọ có sám hối ở biệt thất. Phật Hiền có di tích tấn xuất. Sự thật khảo cứu ghi chép rõ ràng. Hoặc vì thời vận kiêu bạc đạo mất người lia. Cho nên cảm ứng thấy được ở đây. Nếu dùng tích gần mà mong cầu, thì cũng là một loại ngọc khuê chương. Lại từ ngài An Thế Cao, Vô Sấm, Pháp Tổ, Pháp Tạc v.v..... cùng am thông lý lẽ, giàu nhân nghĩa mà thành. Sự nghiệp chưa được mà mất đi do nghiệp có truyền cảm, mà nghĩa không trái xa, cho nên La-hán tuy các

lậu đã tận vẫn còn chướng nạn. Tỷ Can tuy lòng chung trí thành mà còn chiêu lấy hoa mỗ bụng chẳng phải là như vậy sao? Có ngài Pháp Độ ở Thiên Trúc, tự nói: chuyên vào tiểu thừa và cùng trái xa tam tạng. Ăn dùng bình bát vốn chẳng phải chỗ uy nghi, phục đất cùng hương, lại là chỗ không sám pháp. Vả lại Pháp Độ sanh ở Nam Khang không từng qua Thiên Trúc. Cuối đời gặp ngài Đàm-ma Da-xá, lại là thầy Đại thừa, muốn dâm thân nơi khe rạch Ngài ra khác lạ. Nhưng mà người đạt đến lượng quân tử chưa từng né tránh. Ni chúng từ đầu đã được Ngài đạo hoá. Phàm người nữ lý giáo thì khó thông mà sự tích thì dễ lâu. Nghe nhân quả thì lo sợ, thấy biến thuật thì bồn ba, tùy nghĩa rơi vào đó tức là đây vậy. Thiết nghĩ chánh pháp sâu xa đầy cả tám vạn ức đem phiên dịch ra chỉ có hơn ngàn quyển, cũng bởi xa xôi ngăn trở nên sự lưu bố khó khăn. Những vị đi lưu hoá tìm cầu kinh điển, trong mười người thì mất hết tám chín. Đó là các vị Pháp Hiển, Trí Mãnh, Trí Nghiêm, Pháp Dũng v.v... Khi đi thì kết bạn thành đoàn, trở về thì chỉ còn có một. Thật là thương tiếc!

Nên biết một bộ kinh đạt được như vậy, há chẳng phải là ban cho thọ mạng mà học đồ khuynh thế duy chỉ cầu một bộ. Cho là nói nhiều thì đa hoặc. Đây bởi rơi vào cái học từ chương, chẳng thể nói là đã thông lời di huấn. Vì sao? Phàm muốn khảo cứu lý vị, quyết đoán chánh pháp, há có thể đoạn lòng mà không rộng cầu kinh điển, dịch trở thành mai một. Cam lộ chánh pháp nên tìm cầu, vô lượng bảo châu ẩn mà không dùng, thật là đáng tiếc lắm! Nếu quán xét thiền luật, dung nhiếp các kinh luận, tuy là dứt ấm mà huyền phong còn lay động. Ta-la biến diệt Phật tánh còn rõ ràng, ân đức Năng như còn xa, đức truyền dịch còn gần, đạt được thân mạng chẳng rõ ràng sao?